

Bản án số 60/2023/HS-PT
Ngày 13/02/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tự Học;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Vũ Đông;
Ông Nguyễn Xuân Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Ly, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Tân, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 13 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 991/2020/TLPT ngày 05 tháng 11 năm 2020 đối với các bị cáo Nguyễn Văn A, Ngô Thị Hạnh, do có kháng cáo của các bị cáo và kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 404/2020/HS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

**** Các bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:***

1. Nguyễn Văn A, sinh ngày 19/5/1956 tại Nghệ An; nơi ĐKKHKT và nơi cư trú: số 5 ngõ 120 đường Trường Ch, phường Phương M, quận Đống Đ, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty Thái Hòa; trình độ văn hóa: Lớp 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Kh và bà Vũ Thị Ch (đều đã chết); có vợ Ngô Thị H (là bị cáo trong cùng vụ án) có 01 con sinh năm 1990; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/10/2016 đến ngày 18/11/2016, bị bắt tạm giam lại từ ngày 19/02/2020 đến nay; có mặt.

2. Ngô Thị H, sinh ngày 27/5/1963 tại Thanh Hóa; nơi ĐKKHKT và nơi cư trú: số 5 ngõ 120 đường Trường Ch, phường Phương M, quận Đống Đ, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Phó Tổng giám đốc Công ty Thái Hòa; trình độ văn hóa: Lớp 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Chí L (đã chết) và bà Hoàng Thị H1; có chồng là Nguyễn Văn A (là bị cáo trong cùng vụ án); có 01 con sinh năm 1990; tiền án, tiền sự:

Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/7/2016 đến ngày 02/6/2017; hiện tại ngoại; có mặt.

*** *Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Văn A, Ngô Thị H:***

- Luật sư Nguyễn Hồng B và luật sư Phạm Văn H2 - Công ty luật TNHH Hồng B và Cộng sự, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; đều vắng mặt.

- Luật sư Đỗ Mạnh L1 - Công ty luật TNHH Vietsavvy, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

*** *Người bị hại:*** Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam (Vietcombank); trụ sở: số 198 Trần Quang Khải, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội; *Người đại diện theo ủy quyền:* Bà Nguyễn Thị Hồng V - Giám đốc Chi nhánh Hà Nội; có mặt.

*** *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội chi nhánh Hàm Long (Habubank Hàm Long) nay thuộc Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB); trụ sở: ngõ Hàng Hành, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. *Người đại diện theo ủy quyền:* Bà Phạm Thị Th, sinh năm 1983 - Chuyên viên Công ty TNHH đầu tư và xây dựng Việt Công; có mặt.

2. Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam; trụ sở: số 54 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội; *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Hoàng Minh T - Trưởng nhóm xử lý nợ khách hàng doanh nghiệp; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam: Luật sư Nguyễn Thị V1 - Công ty luật TNHH Minh Kh1, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

3. Công ty Bảo hiểm Bưu điện Thăng L2; trụ sở: số 290 Nguyễn Trãi, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội; *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Hoàng Ánh D - Giám đốc; có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp - Chi nhánh Nghệ An; trụ sở: số 317A đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hưng Bình, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Đậu Ngọc L3 - Giám đốc; có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Công ty cổ phần tập đoàn Thái Hòa Việt Nam; trụ sở: số 5, ngõ 120, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội do bị cáo Nguyễn Văn A - Chủ tịch Hội đồng quản trị, kiêm Tổng giám đốc đại diện theo pháp luật.

6. Công ty TNHH Thái Hòa Quảng Trị; trụ sở: xã Hướng Tân, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị do bị cáo Nguyễn Văn A - Giám đốc đại diện theo pháp luật.

7. Công ty cổ phần Thái Hòa Lâm Đồng; trụ sở: thị trấn Đình Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng do bị cáo Nguyễn Văn A - Tổng giám đốc đại diện theo pháp luật.

8. Công ty cổ phần Thái Hòa Buôn Ma Thuột; trụ sở: số 161 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, thành phố Buôn Ma thuột, tỉnh Đắk Lắk do bị cáo Nguyễn Văn A - Tổng giám đốc đại diện theo pháp luật.

9. Công ty cổ phần Cà Phê An Giang; trụ sở: khu Công nghiệp Tam Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai; *Người đại diện theo pháp luật*: Ông Lê Văn K - Tổng giám đốc; vắng mặt.

10. Công ty Thái Hòa Nghệ An; trụ sở: Tây Hiếu, thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An do bị cáo Nguyễn Văn A - Giám đốc đại diện theo pháp luật.

11. Công ty cổ phần Thương Phú; trụ sở: Km 19, thôn Cọp, xã Hướng Phùng, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng trị; *Người đại diện vắng mặt*.

*** Người làm chứng:**

1. Anh Nguyễn Xuân L4, sinh năm 1962; nơi cư trú: số 17D5A, ngõ 679, Lạc Long Q, phường Phú Th1, quận Tây H3, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

2. Anh Trần Thượng A1, sinh năm 1979; nơi cư trú: Phòng 401, tháp B1, khu đô thị Ecopark, xã Văn L5, huyện Văn Gi, tỉnh Hưng Yên; có mặt.

3. Anh Lê Huy H4, sinh năm 1979; nơi cư trú: số 36, ngõ 162 phố Nguyễn L6, phường Phương L7, quận Thanh X, thành phố Hà Nội; có mặt.

4. Chị Nguyễn Thị Minh H5, sinh năm 1976; nơi cư trú: số 5, ngõ 271/10 phố Bùi Xương Tr, phường Khương Đ1, quận Thanh X, thành phố Hà Nội, có mặt.

5. Chị Hà Thị Kim Th2, sinh năm 1977; nơi cư trú: Phòng 202 - N6D, khu đô thị Trung H6, phường Nhân Ch, quận Thanh X, thành phố Hà Nội; có mặt.

6. Chị Ngô Thị Nh, sinh năm 1986; nơi cư trú: số 11 Hà Huy T1, thành phố V2, tỉnh Nghệ An; có đơn xin xét xử vắng mặt.

7. Anh Vũ Lê B1, sinh năm 1975; nơi cư trú: Tập thể Z179, xã Tứ H7, huyện Thanh Tr, thành phố Hà Nội; có đơn xin xét xử vắng mặt.

8. Anh Vũ Hoài D1, sinh năm 1976; nơi cư trú: số 7, tổ 16, phường Ngọc Th3, quận Long B2, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

9. Chị Ngô Thị H8, sinh năm 1972; nơi cư trú: Phòng 303-D16, tập thể Phương M, phường Phương M, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội; có mặt.

10. Chị Ngô Thu H9, sinh năm 1976; nơi cư trú: Phòng 302- B2, khu tập thể xây lắp 24, ngõ 68 Quan Nh, phường Trung H10, quận Cầu Gi1, thành phố Hà Nội; có mặt.

11. Chị Nguyễn Thị Hải T2, sinh năm 1974; nơi cư trú: Phòng 2503-CT1, khu đô thị Văn Kh, phường La Kh, quận Hà Đ2, thành phố Hà Nội; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất và thương mại Thái Hòa, địa chỉ: số 5 ngõ 120, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, thành lập năm 1996 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 048176 ngày 12/3/1996 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội; đến năm 2008 chuyển đổi thành Công ty cổ phần tập đoàn Thái Hòa Việt Nam (viết tắt là Công ty Thái Hòa), do Nguyễn Văn A làm Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc và Ngô Thị H (vợ của A) làm Phó Tổng Giám đốc, với 44 ngành nghề kinh doanh, trong đó ngành nghề chính là kinh doanh cà phê. Công ty Thái Hòa có 15 công ty thành viên gồm: Công ty TNHH MTV Thái Hòa Nghệ An, Công ty cổ phần Thái Hòa Lâm Đồng, Công ty cổ phần Thái Hòa Quảng Trị, Công ty cổ phần cà phê Thái Hòa Hồ Chí Minh, Công ty cổ phần cà phê Thái Hòa Sơn La, Công ty cổ phần cà phê An Giang, Công ty cổ phần cà phê Thái Hòa Mường Ảng, Công ty TNHH cà phê Thái Hòa Thừa Thiên Huế, Công ty TNHH MTV Thái Hòa Lào, Công ty TNHH MTV cao su Thái Hòa Lào, Công ty TNHH MTV Thái Ninh, Công ty cổ phần xây dựng Thái Hòa, Công ty cổ phần cà phê Thái Hòa Hòa Bình, Công ty cổ phần Thái Hòa Buôn Ma Thuột và Công ty cổ phần cà phê Thái Hòa. Hiện Công ty cổ phần Thái Hòa Việt Nam chỉ còn lại 05 công ty hoạt động cầm chừng gồm: 02 Công ty Thái Hòa bên Lào; Công ty Thái Ninh; Công ty Thái Hòa Hòa Bình; Công ty cổ phần cà phê An Giang; đã bán Công ty cổ phần cà phê Hồ Chí Minh và Công ty cổ phần cà phê Mường Ảng; Còn lại các công ty khác đã giải thể và tạm ngừng hoạt động.

Năm 2010, Công ty Thái Hòa được Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam chi nhánh Hà Nội (viết tắt là Vietcombank Hà Nội) duyệt vay vốn tín dụng ngắn hạn với hạn mức là 200.000.000.000đ (*Hai trăm tỷ đồng*). Đến cuối năm 2010, các khoản vay (trung hạn và ngắn hạn) của Công ty Thái Hòa tại Vietcombank Hà Nội là 214.205.834.265 đồng, trong đó, các khoản vay ngắn hạn là 189.209.166.465 đồng, đến hạn trả nợ nhưng Công ty Thái Hòa không có tiền để trả. Tháng 01/2011, Nguyễn Văn A đã chỉ đạo Ngô Thị H và các nhân viên Công ty Thái Hòa làm không hồ sơ đề nghị vay tiền tại Vietcombank Hà Nội với lý do thu mua cà phê để xuất khẩu, nhưng mục đích sử dụng tiền vay được để đảo nợ tại ngân hàng. Sau đó, Nguyễn Văn A cùng Vũ Hoài D1, (Giám đốc tài chính Công ty Thái Hòa từ cuối năm 2010 đến tháng 9/2011) làm việc với đại diện Vietcombank Hà Nội, gồm các ông Nguyễn Xuân L4 - Giám đốc; Trần Thượng A1 - Phó trưởng phòng khách hàng; Lê Huy H4 - Cán bộ tín dụng đề nghị được vay vốn. Mặc dù chưa được phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2011 (điểm 4.1 Điều 4 quy định về giới hạn tín dụng đối với khách hàng, ban hành theo Quyết định số 39/QĐ-NHNT.CSTD ngày 08/3/2007 của Vietcombank), nhưng do tin tưởng vào phương án kinh doanh, uy tín của Công ty Thái Hòa, không biết việc lập không hồ sơ và sử dụng tiền vay để đảo nợ, nên Nguyễn Xuân L4, Trần

Thượng A1, Lê Huy H4 vẫn đồng ý tiếp tục cho Công ty Thái Hòa vay vốn ngắn hạn với hạn mức tín dụng 200.000.000.000 đồng như hạn mức của năm 2010 để kinh doanh, xuất khẩu cà phê.

Ngày 30/12/2010 và ngày 24/01/2011, Ngô Thị H ký các Công văn số 809-10-2011/TH-CV, số 41-2011/THV-CV kèm theo các Phương án kinh doanh thu mua cà phê trong nước để xuất khẩu gửi Vietcombank Hà Nội đề nghị vay vốn ngắn hạn. Trần Thượng A1, Lê Huy H4 lập “Báo cáo thẩm định và đề xuất cấp tín dụng”, nội dung đề xuất cấp tín dụng ngắn hạn từng lần 50.000.000.000 đồng cho Công ty Thái Hòa với hạn mức 200.000.000.000 đồng như năm 2010 và được ông Nguyễn Xuân L4 phê duyệt đồng ý. Ngày 07/01/2011 và ngày 16/02/2011, ông Nguyễn Xuân L4 - đại diện Vietcombank Hà Nội đã ký 04 Hợp đồng tín dụng từng lần số 01/2011/NHTMCPNT, số 02/2011/NHTMCPNT, số 03/2011/NHTMCPNT và số 04/2011/NHTMCPNT với Công ty Thái Hòa do Ngô Thị H đại diện, trị giá mỗi hợp đồng là 50.000.000.000 đồng, mục đích sử dụng vốn: “Vay vốn lưu động để thu mua cà phê nguyên liệu, cà phê thành phẩm Arabica phục vụ cho hoạt động xuất khẩu cà phê”; phương thức sử dụng tiền vay: “chuyển khoản”.

Tổng giá trị của 04 Hợp đồng tín dụng từng lần nêu trên là 200.000.000.000 đồng, được Công ty Thái Hòa đảm bảo bằng tài sản, gồm: 01 sổ tiết kiệm của Ngô Thị H số 681155 do Vietcombank phát hành ngày 09/02/2006, trị giá 2.000.000.000 đồng; tài sản trên đất của Công ty TNHH XNK cà phê An Giang (nay là Công ty cổ phần cà phê An Giang) tại khu Công nghiệp Tam Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, trị giá 12.371.000.000 đồng; 42.330.000 cổ phần của Công ty Thái Hòa tại Công ty cổ phần cà phê An Giang, trị giá 42.330.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản đảm bảo là 56.701.000.000 đồng.

Ngày 15/7/2011, Công ty Thái Hòa, Công ty cổ phần Thái Hòa Buôn Ma Thuột và VCB Hà Nội ký Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2011/HĐTC/NHTMCPNTHN-THBMT; tài sản bảo đảm là tài sản gắn liền với đất tại trung tâm giao dịch cà phê Buôn Ma Thuột thuộc sở hữu của Công ty cổ phần Thái Hòa Buôn Ma Thuột được định giá là 33.243.000.000 đồng. Tài sản này được dùng để bảo đảm cho toàn bộ nghĩa vụ tài chính của Công ty Thái Hòa tại VCB Hà Nội.

Quá trình thực hiện 04 Hợp đồng tín dụng năm 2011, mặc dù không có hoạt động kinh doanh cà phê, trong kho của Công ty Thái Hòa không có hàng hóa, nhưng Ngô Thị H đã ký Hợp đồng bảo hiểm mọi rủi ro hàng hóa (cà phê) số 0000003/HD0/016-KHĐ/TS02/2011 ngày 07/01/2011 với Công ty bảo hiểm Bưu điện Thăng L2 (do ông Nguyễn Quý Hội - Phó Giám đốc ký), giá trị hàng hóa được bảo hiểm 50.000.000.000 đồng; ký Hợp đồng bảo hiểm mọi rủi ro kho hàng và cà phê thành phẩm số AD/002/11/B06/004/01-NVT ngày 22/3/2011 với Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp - chi nhánh Nghệ An (do ông Trần Quang Hiền - Giám đốc ký), giá trị được bảo hiểm 100.000.000.000 đồng, đơn vị thụ hưởng các khoản bảo hiểm này là Vietcombank Hà Nội. Sau

khi ký Hợp đồng bảo hiểm với Công ty bảo hiểm Bưu điện Thăng L2, Công ty Thái Hòa vẫn chưa thanh toán hết tiền cho Công ty bảo hiểm này.

Nguyễn Văn A, Ngô Thị H chỉ đạo nhân viên và lãnh đạo các công ty thành viên lập hồ sơ không và ký hợp thức hồ sơ với lý do thu mua cà phê để giải ngân các khoản vay tại VCB Hà Nội, cụ thể:

- Nguyễn Thị Minh H5 - Trưởng phòng nguồn vốn Công ty Thái Hòa (từ năm 2008 đến 2016), chịu trách nhiệm quản lý, theo dõi công nợ của Công ty Thái Hòa tại các ngân hàng, trong đó có Vietcombank Hà Nội làm hồ sơ vay vốn. H5 đã chỉ đạo nhân viên phòng nguồn vốn là Ngô Thu H9 làm hồ sơ vay vốn, giải ngân. Theo đó, Ngô Thu H9 trực tiếp soạn thảo: 16 Hợp đồng kinh tế mua bán cà phê không với các công ty thành viên, rồi fax các Hợp đồng kinh tế này cho các công ty thành viên để ký hợp thức và xuất Hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT) cho Công ty Thái Hòa, lập 21 Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ, 21 Giấy nhận nợ với nội dung cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ đúng hạn, đầy đủ cho VCB Hà Nội; trực tiếp soạn thảo và tập hợp đủ 16 Hợp đồng xuất khẩu cà phê bằng cách in từ máy tính của công ty, đã có sẵn chữ ký của bên mua hàng (Công ty Atlantic của Mỹ) sau đó chỉnh sửa các nội dung cho phù hợp (số lượng tiền, hàng, quy cách đóng gói, ngày tháng thực hiện hợp đồng) với số liệu tại 16 hợp đồng kinh tế, hóa đơn GTGT, 21 giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ, 21 giấy nhận nợ.

Nguyễn Thị Minh H5 nói cho Hà Thị Kim Th2 - Kế toán trưởng Công ty Thái Hòa biết chủ trương vay vốn ngắn hạn tại Vietcombank Hà Nội để đảo nợ, Th2 đã ký vào các Hợp đồng tín dụng từng lần số 02/2011/NHTMCPNT ngày 25/01/2011, số 03/2011/NHTMCPNT ngày 28/01/2011; số 04/2011/NHTMCPNT ngày 16/02/2011 và 14 Phiếu nhập kho.

- Ngô Thị H8 - Kế toán trưởng Công ty Thái Hòa (từ năm 2006 đến ngày 07/01/2011) ký Hợp đồng tín dụng từng lần số 01/2011/NHTMCPNT ngày 07/01/2011, ký 01 giấy nhận nợ và 01 phiếu nhập kho.

- Nguyễn Thị Hải T2 - Cán bộ kế toán vật tư tổng hợp Công ty Thái Hòa (từ tháng 12/2008 đến nay), không phải là thủ kho, không tiếp nhận, kiểm tra hàng hóa, nhưng khi được Ngô Thu H9 chuyển các hóa đơn GTGT do Công ty bên bán hàng xuất, T2 đã lập, ký 14 phiếu nhập kho hàng hóa để Ngô Thị H8, Hà Thị Kim Th2 ký, đưa vào hồ sơ vay vốn tại Vietcombank Hà Nội; còn 01 Phiếu nhập kho số 0023301 ngày 15/01/2011 do Trần Lê Long (cán bộ kế toán Công ty Thái Hòa) lập và ký.

- Võ Văn Thắng - Giám đốc Công ty cổ phần cà phê Thái Hòa Quảng Trị ký 03 hợp đồng kinh tế không với Công ty Thái Hòa và xuất 03 hóa đơn GTGT không cho Công ty Thái Hòa.

- Nguyễn Thừa Long - Tổng giám đốc Công ty cổ phần cà phê Thái Hòa Lâm Đồng đã ký 07 hợp đồng kinh tế không với Công ty Thái Hòa, xuất 07 hóa đơn GTGT không cho Công ty Thái Hòa.

- Hoàng Văn Long - Tổng giám đốc Công ty cổ phần cà phê Thái Hòa Buôn Ma Thuật đã ký 01 hợp đồng kinh tế không với Công ty Thái Hòa; Công ty cổ phần cà phê Thái Hòa Buôn Ma Thuật đã xuất 04 hóa đơn GTGT không cho Công ty Thái Hòa.

- Phạm Ngọc Nghi - Giám đốc Công ty TNHH MTV Thái Hòa Nghệ An đã ký 01 hợp đồng kinh tế không, xuất 01 hóa đơn GTGT không cho Công ty Thái Hòa.

- Nguyễn Phương Nam - Giám đốc Công ty cổ phần Thương Phú đã ký 02 hợp đồng kinh tế không, xuất 02 hóa đơn GTGT không cho Công ty Thái Hòa.

- Vũ Lê B1 - Phó Tổng giám đốc Công ty Thái Hòa Buôn Ma Thuật đã ký 02 hợp đồng kinh tế không, xuất 03 hóa đơn GTGT không cho Công ty Thái Hòa.

Sau khi tập hợp đủ tài liệu do các cá nhân nêu trên soạn và ký, Ngô Thu H9 trình Nguyễn Văn A, Ngô Thị H ký không các hợp đồng mua bán và xuất khẩu như sau:

Nguyễn Văn A ký 16 hợp đồng xuất khẩu cà phê giả với Công ty Atlantic của Mỹ; 01 phiếu nhập kho; 02 Hợp đồng kinh tế mua bán cà phê với Công ty cổ phần Thái Hòa Quảng Trị do Võ Văn Thắng làm Giám đốc, được Công ty cổ phần Thái Hòa Quảng Trị xuất 02 hóa đơn GTGT và 01 hợp đồng kinh tế với Công ty cổ phần Thái Hòa Lâm Đồng do Nguyễn Thừa Long làm Tổng Giám đốc, được Công ty cổ phần Thái Hòa Lâm Đồng xuất 01 hóa đơn GTGT. Công ty Thái Hòa đã sử dụng các hợp đồng, hóa đơn này để đưa vào hồ sơ nhằm hợp thức các phương án kinh doanh và đã được Vietcombank Hà Nội giải ngân 1.300.000 USD, quy đổi ra tiền Việt Nam tương đương với 25.343.500.000 đồng vào tài khoản Công ty Thái Hòa Quảng Trị và 857.000 USD tương đương 16.707.215.000 đồng vào tài khoản Công ty cổ phần Thái Hòa Lâm Đồng. Theo chỉ đạo của Nguyễn Văn A, sau khi các công ty thành viên nhận được tiền của Vietcombank Hà Nội thì chuyển lại cho Công ty Thái Hòa theo cách thức: Chuyển vào tài khoản số 0021000470118 của Công ty Thái Hòa mở tại Vietcombank Hà Nội; chuyển vào tài khoản số 0021002183603 của Ngô Thị Nh - Thủ quỹ Công ty Thái Hòa tại Vietcombank Hà Nội, sau đó Ngô Thị Nh chuyển tiếp theo nhu cầu sử dụng của Công ty Thái Hòa. Do đó, Công ty cổ phần Thái Hòa Quảng Trị đã chuyển 20.371.100.000 đồng vào tài khoản của Ngô Thị Nh để Nh chuyển lại cho Công ty Thái Hòa, số tiền còn lại 4.972.160.000 đồng được Công ty Thái Hòa trả nợ cho Công ty cổ phần Thái Hòa Quảng Trị và Công ty cổ phần Thái Hòa Lâm Đồng chuyển cho Ngô Thị Nh 16.707.215.000 đồng để Nh chuyển lại cho Công ty Thái Hòa.

Ngô Thị H đã ký không 21 giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ, 07 phiếu nhập kho và các hợp đồng kinh tế mua bán cà phê với các công ty: 04 hợp đồng kinh tế với Công ty cổ phần Thái Hòa Buôn Ma Thuật do Hoàng Văn Long làm Tổng Giám đốc và Vũ Lê B1 làm Phó Tổng Giám đốc, Công ty cổ phần Thái Hòa Buôn Ma Thuật đã xuất 04 hóa đơn GTGT; 01 hợp đồng kinh tế

với Công ty cổ phần Thái Hòa Quảng Trị do Võ Văn Thắng làm Giám đốc và được Công ty cổ phần Thái Hòa Quảng Trị xuất 01 hóa đơn GTGT; 06 hợp đồng kinh tế với Công ty cổ phần Thái Hòa Lâm Đồng do Nguyễn Thừa Long làm Tổng Giám đốc và được Công ty cổ phần Thái Hòa Lâm Đồng xuất 06 hóa đơn GTGT; 01 hợp đồng kinh tế với Công ty TNHH MTV Thái Hòa Nghệ An do Phạm Ngọc Nghi làm Giám đốc, được Công ty TNHH MTV Thái Hòa Nghệ An xuất 01 hóa đơn GTGT; 02 hợp đồng kinh tế với Công ty cổ phần Thương Phú do Nguyễn Phương Nam làm Giám đốc, được Công ty cổ phần Thương Phú xuất 02 hóa đơn GTGT. Công ty Thái Hòa đã sử dụng số hợp đồng, hóa đơn này để đưa vào hồ sơ giải ngân và được Vietcombank Hà Nội giải ngân vào các tài khoản: Công ty cổ phần Thái Hòa Quảng Trị số tiền 340.000USD (tương đương 7.089.000.000 đồng); tài khoản Công ty cổ phần Thái Hòa Lâm Đồng số tiền 3.524.000 USD (tương đương 68.700.380.000 đồng); tài khoản Công ty cổ phần Thái Hòa Buôn Ma Thuột số tiền 1.251.000 USD (tương đương 26.105.195.000 đồng); tài khoản Công ty TNHH MTV Thái Hòa Nghệ An số tiền 550.000 USD (tương đương 10.722.250.000 đồng) và tài khoản Công ty cổ phần Thương Phú số tiền 1.493.000 USD (tương đương 29.590.735.000 đồng).

Sau khi nhận được tiền của Vietcombank Hà Nội theo cách thức như trên, các công ty thành viên chuyển lại tiền vào tài khoản số 0021000470118 của Công ty Thái Hòa mở tại Vietcombank Hà Nội; chuyển vào tài khoản số 0021002183603 của Ngô Thị Nh - Thủ quỹ Công ty Thái Hòa tại Vietcombank Hà Nội và Nh chuyển tiếp theo nhu cầu sử dụng của Công ty Thái Hòa. Do vậy, Công ty cổ phần Thái Hòa Quảng Trị đã chuyển 7.089.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty Thái Hòa tại VietcomBank Hà Nội; Công ty cổ phần Thái Hòa Lâm Đồng chuyển 68.700.380.000 đồng cho Ngô Thị Nh để Nh chuyển lại cho Công ty Thái Hòa; Công ty cổ phần Thái Hòa Buôn Ma Thuột chuyển 19.224.695.000 đồng vào tài khoản Công ty cổ phần cà phê An Giang để Công ty cổ phần cà phê An Giang chuyển lại cho Công ty Thái Hòa và Công ty cổ phần Thái Hòa Buôn Ma Thuột chuyển 6.880.500.000 đồng vào tài khoản Công ty Thái Hòa; Công ty TNHH MTV Thái Hòa Nghệ An chuyển 10.400.000.000 đồng cho Ngô Thị Nh để Nh chuyển lại cho Công ty Thái Hòa; số tiền còn lại 322.250.000 đồng được Công ty Thái Hòa trả nợ cho Công ty TNHH MTV Thái Hòa Nghệ An; Công ty cổ phần Thương Phú chuyển 21.892.885.000 đồng cho Công ty cổ phần Thái Hòa Quảng Trị, 7.697.850.000 đồng cho Ngô Thị Nh. Sau đó, Công ty cổ phần Thái Hòa Quảng Trị và Ngô Thị Nh đã chuyển lại cho Công ty Thái Hòa.

Bằng thủ đoạn làm giả hồ sơ vay vốn nêu trên, từ ngày 11/01/2011 đến ngày 03/3/2011, Công ty Thái Hòa đã được Vietcombank Hà Nội giải ngân 21 lần, với tổng số tiền 9.315.000 USD (*Chín triệu ba trăm mười lăm nghìn đô la Mỹ*) tương đương 184.258.275.000 đồng (*Một trăm tám mươi tư tỷ, hai trăm năm mươi tám triệu, hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*). Nguyễn Văn A, Ngô Thị H đã sử dụng 156.068.745.000 đồng (*Một trăm năm mươi sáu tỷ không trăm*

sáu tám triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) để trả cho các khoản vay trước năm 2011 tại Vietcombank Hà Nội ngay sau khi được giải ngân. Số tiền còn lại 28.189.530.000 đồng (Hai tám tỷ một trăm tám chín triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng) Nguyễn Văn A, Ngô Thị H chiếm đoạt để trả nợ cho các đơn vị khác và chi tiêu của công ty, cụ thể:

- Ngày 11/01/2011, VCB Hà Nội giải ngân 538.000 USD (tương đương 10.488.310.000 đồng) vào tài khoản của Công ty Thái Hòa Quảng Trị. Trong ngày, Công ty Thái Hòa Quảng Trị chuyển 10.000.000.000 đồng vào tài khoản của Ngô Thị Nh tại VCB Hà Nội. Ngày 12/01/2011, Nh chuyển 10.000.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty Thái Hòa tại Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội - Chi nhánh Hàm Long (Habubank Hàm Long) để trả cho khoản vay của Công ty Thái Hòa tại Habubank Hàm Long. Công ty Thái Hòa Quảng Trị giữ lại 488.310.000 đồng để đối trừ công nợ với Công ty Thái Hòa.

- Ngày 26/01/2011, VCB Hà Nội giải ngân 550.000 USD (tương đương 10.722.250.000 đồng) vào tài khoản của Công ty Thái Hòa Nghệ An. Ngày 26/01/2011, Công ty Thái Hòa Nghệ An chuyển 10.400.000.000 đồng vào tài khoản của Ngô Thị Nh, còn 322.250.000 đồng được Công ty Thái Hòa Nghệ An giữ lại để thu mua cà phê cho Công ty Thái Hòa. Sau khi nhận được tiền, Ngô Thị Nh đã nộp 9.300.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty Thái Hòa tại VCB Hà Nội để trả cho khoản vay trước năm 2011, còn 1.100.000.000 đồng được Ngô Thị Nh nhập vào quỹ của Công ty Thái Hòa để sử dụng cho hoạt động của Công ty Thái Hòa.

- Ngày 27/01/2011, VCB Hà Nội giải ngân 230.000 USD (tương đương 4.483.850.000 đồng) vào tài khoản của Công ty Thái Hòa Quảng Trị. Công ty Thái Hòa Quảng Trị đã giữ lại 4.483.850.000 đồng để đối trừ công nợ với Công ty Thái Hòa.

- Ngày 10/02/2011, VCB Hà Nội giải ngân 500.000 USD (tương đương 9.747.500.000 đồng) vào tài khoản của Công ty cổ phần Thương Phú. Sau khi nhận được tiền, Công ty cổ phần Thương Phú chuyển 9.747.500.000 đồng vào tài khoản của Công ty Thái Hòa Quảng Trị. Sau đó, Công ty Thái Hòa Quảng Trị chuyển số tiền này vào tài khoản của Công ty Thái Hòa tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB) để trả cho khoản vay của Công ty Thái Hòa tại MSB.

- Ngày 03/3/2011, VCB Hà Nội giải ngân 290.000 USD (tương đương 6.047.950.000 đồng) vào tài khoản của Công ty cổ phần Thái Hòa Buôn Ma Thuột. Sau đó, Công ty Thái Hòa Buôn Ma Thuột chuyển 6.047.950.000 đồng vào tài khoản của Công ty cổ phần cà phê An Giang. Do Ngân hàng trừ phí chuyển tiền 330.000 đồng nên Công ty cổ phần cà phê An Giang nhận được 6.047.620.000 đồng. Sau đó, Công ty cổ phần cà phê An Giang chuyển 4.000.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty Thái Hòa tại VCB để trả nợ cho khoản vay trước năm 2011; chuyển 2.047.620.000 đồng vào tài khoản của Ngô Thị Nh tại VCB Hà Nội. Ngô Thị Nh đã nhập 2.047.620.000 đồng vào quỹ Công ty Thái Hòa để sử dụng cho hoạt động của Công ty Thái Hòa.

Công ty Thái Hòa đã xử lý tài sản thế chấp là sổ tiết kiệm mang tên Ngô Thị H cho Vietcombank Hà Nội 2.253.960.000 đồng. Các tài sản còn lại vẫn đang thế chấp tại ngân hàng trị giá 87.944.000.000 đồng (*Tám mươi bảy tỷ chín trăm bốn mươi bốn triệu đồng*).

Đến thời điểm khởi tố vụ án (ngày 23/02/2016), Công ty Thái Hòa vẫn còn dư nợ gốc tại Vietcombank Hà Nội 9.207.000 USD (tương đương 182.258.275.000 đồng), dư nợ lãi trong hạn chưa trả là 2.676.782,63 USD (tương đương 59.986.698.738 đồng) và dư nợ lãi quá hạn chưa trả là 523.884,27 USD (tương đương 11.740.246.491 đồng).

Đến thời điểm điều tra lại (ngày 31/5/2019), các khoản vay trên còn dư nợ gốc 9.207.000 USD (tương đương với 182.004.315.000 đồng), dư nợ lãi trong hạn chưa trả là 4.468.329,88 USD (tương đương 104.894.043.933 đồng), dư nợ lãi quá hạn chưa trả là 882.193,72 USD (tương đương 20.709.497.577 đồng).

Quá trình điều tra, Cơ quan an ninh điều tra còn làm rõ, đến cuối năm 2010, Công ty Thái Hòa vẫn còn dư nợ tại các ngân hàng khác, gồm: Nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - chi nhánh Nam Hà Nội 241.168.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD/NHN-TH ngày 25/5/2010; nợ Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam 5.128.000 USD; nợ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội 143.000.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 1006HL046/HĐTD-HM/2010 ngày 23/7/2010; nợ Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam 48.143.349.220 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 0334/HĐTD-VIB15/10 ngày 22/6/2010 và nợ Ngân hàng Phát triển Việt Nam 68.686.000.000 đồng. Cơ quan An ninh điều tra - Bộ Công an tách ra để điều tra xem xét xử lý sau.

Quan điểm của Cơ quan An ninh điều tra - Bộ Công an và Viện kiểm sát nhân dân tối cao sau khi có kết quả điều tra lại đối với nội dung trong Bản án hình sự phúc thẩm số 193/2019/HSPT ngày 16/4/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội về các nhận định để từ đó hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, cụ thể:

- **Nội dung thứ nhất:** Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng có căn cứ xác định Nguyễn Văn A và Ngô Thị H không có ý thức chiếm đoạt số tiền này (156.385.240.000 đồng), song phần còn lại (27.853.035.000 đồng) cũng vẫn là số tiền có nguồn gốc từ việc lập hồ sơ khống vay vốn tương tự, vẫn là mang đi trả nợ cho ngân hàng đối với các khoản tiền vay phải trả nợ và hành vi của các bị cáo cũng vẫn là nhằm tiếp tục duy trì khoản nợ để đầu tư kinh doanh thì bị quy kết là “lừa đảo”.

Nếu cấp sơ thẩm quy kết Nguyễn Văn A và Ngô Thị H lấy số tiền vay được để trả cho các ngân hàng khác là có tội thì số tiền đó phải là vật chứng của vụ án, cần phải có biện pháp thu hồi và xử lý vật chứng; đồng thời phải xác định và đưa đại diện các ngân hàng này vào tham gia ở các giai đoạn tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

- **Nội dung thứ hai:** Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty Thái Hòa, luật sư bào chữa cho các bị cáo và một số người làm chứng có giải trình về việc đã trả nợ cho Vietcombank Hà Nội số tiền hơn 34 tỷ đồng, nhiều hơn số tiền 27 tỷ đồng bị cấp sơ thẩm quy kết chiếm đoạt.

Nếu trường hợp việc thanh toán này đúng thì số tiền mà Công ty Thái Hòa đã trả cho Vietcombank Hà Nội còn vượt cả số tiền mà Công ty Thái Hòa đã được Vietcombank Hà Nội giải ngân theo 04 hợp đồng tín dụng năm 2011, cho nên mặc dù các bị cáo có thực hiện hành vi gian dối nhưng không có căn cứ chứng minh chính xác thiệt hại của Vietcombank Hà Nội thì việc quy kết hành vi phạm tội của các bị cáo là sẽ không thuyết phục.

Cuối năm 2010, Nguyễn Văn A, Ngô Thị H còn nợ vốn tín dụng của Vietcombank Hà Nội 214.205.834.265 đồng, trong đó, các khoản vay nợ ngắn hạn là 189.209.166.465 đồng, đến kỳ hạn phải trả tiền gốc và lãi; các bị can biết công ty kinh doanh không hiệu quả, không có tiền trả cho Vietcombank Hà Nội và các khoản vay tiếp cũng không có khả năng trả nợ nhưng đã dùng các thủ đoạn gian dối (làm giả hồ sơ, mua bảo hiểm hàng hóa không có thật) để được Vietcombank Hà Nội cho vay 184.258.275.000 đồng. Từ thời điểm Vietcombank Hà Nội giải ngân vào tài khoản các công ty thành viên thì Nguyễn Văn A, Ngô Thị H có quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt số tiền này; trong đó, số tiền không có tài sản bảo đảm là 94.314.275.000 đồng. Sau khi được giải ngân, Nguyễn Văn A, Ngô Thị H đã dùng 156.068.745.000 đồng quay lại Vietcombank Hà Nội ngay trong ngày để trả nợ các khoản vay trước năm 2011 nên Ngân hàng vẫn kiểm soát được số tiền này. Số tiền còn lại 28.189.530.000 đồng các bị can đã dùng trả nợ các đơn vị khác và sử dụng chi tiêu trong công ty thì tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản đã hoàn thành, nên việc chỉ xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự các bị cáo đối với số tiền 28.189.530.000 đồng là đúng quy định của pháp luật. Còn sau đó, Nguyễn Văn A, Ngô Thị H dùng 38.953.160.000 đồng từ các nguồn khác (không có nguồn gốc từ 04 Hợp đồng tín dụng năm 2011) để trả nợ Vietcombank Hà Nội là việc Công ty Thái Hòa thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho các hợp đồng cũ, độc lập với trách nhiệm tại 04 Hợp đồng tín dụng năm 2011. Toàn bộ số tiền vay của 04 Hợp đồng tín dụng năm 2011 được dùng đảo nợ tại Vietcombank Hà Nội và trả nợ các tổ chức khác, chi tiêu trong công ty đến nay không có khả năng thu hồi (không có tài sản bảo đảm) là 94.314.275.000 đồng, trong đó có số tiền 28.189.530.000 đồng, đây là thiệt hại của Vietcombank Hà Nội.

Đối với số tiền 28.189.530.000 đồng được Ngân hàng Hàng Hải, Ngân hàng Habubank và các công ty thành viên thu hồi nợ hợp pháp, không biết tiền đó do Nguyễn Văn A, Ngô Thị H phạm tội mà có nên không thể đưa các đơn vị này với tư cách là người có nghĩa vụ liên quan và thu hồi số tiền đó.

- **Nội dung thứ ba:** Năm 2014, Vietcombank đã khởi kiện vụ án tranh chấp đòi tài sản liên quan đến các hợp đồng tín dụng đối với các khoản vay của

Công ty Thái Hòa. Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội đã thụ lý và đang giải quyết vụ án... Với cùng một quan hệ pháp luật, Vietcombank không thể vừa là nguyên đơn trong vụ án kinh doanh thương mại lại vừa là người bị hại trong vụ án hình sự. Nội dung này cũng chưa được cấp sơ thẩm điều tra làm rõ.

Ngày 11/7/2014, Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội đã thụ lý, giải quyết đơn khởi kiện của Vietcombank kiện Công ty Thái Hòa. Ngày 22/7/2015, Vietcombank có Văn bản số 2185/VCB.CN đề nghị Cơ quan An ninh điều tra - Bộ Công an điều tra làm rõ dấu hiệu lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Nhà nước. Quá trình giải quyết vụ án, Vietcombank gửi Văn bản số 2124/TB-HAN-KHDN ngày 22/12/2015 có nội dung: Vietcombank đã chuyển toàn bộ hồ sơ nợ của Công ty cổ phần Tập đoàn Thái Hòa sang Cơ quan An ninh điều tra để hỗ trợ việc thu hồi tài sản cho Nhà nước. Hiện nay, do Cơ quan điều tra đang thực hiện các thủ tục điều tra nên ngân hàng không tiếp tục các thủ tục tố tụng dân sự tại thời điểm này. Căn cứ kết quả kiểm tra, xác minh, xác định có dấu hiệu của tội phạm, nên ngày 23/02/2016 Cơ quan An ninh điều tra - Bộ Công an đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự là đúng quy định của pháp luật. Ngày 25/02/2016, Cơ quan An ninh điều tra - Bộ Công an đã có Thông báo số 135/ANĐT gửi Vietcombank, Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân về việc khởi tố vụ án hình sự “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, “*Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng*” xảy ra tại Vietcombank - Chi nhánh Hà Nội. Vì vậy, ngày 29/02/2016, Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội đã ra Quyết định số 09/QĐST-KDTM, tạm đình chỉ giải quyết vụ án với lý do đợi kết quả giải quyết vụ án khác có liên quan.

- **Nội dung thứ tư:** Việc Cơ quan An ninh điều tra - Bộ Công an đình chỉ điều tra vụ án về tội “*Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng*”, Vietcombank cũng không có hình thức xử lý đối với Nguyễn Xuân L4 với tư cách là Giám đốc VCB Hà Nội là không có căn cứ, bỏ lọt tội phạm..., để vay được khoản tiền 200 tỷ đồng theo 04 hợp đồng tín dụng nêu trên là có sự “giúp đỡ” và hướng dẫn của cán bộ ngân hàng, nhất là được sự đồng ý của giám đốc Nguyễn Xuân L4 thì việc quy kết các bị cáo đồng phạm về tội “*Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng*” quy định tại Điều 179 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ.

Việc Nguyễn Xuân L4, Trần Thượng A1, Lê Huy H4 giải quyết cho Công ty Thái Hòa vay vốn khi chưa được phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2011 đã vi phạm điểm 4.1 Điều 4 quy định về giới hạn tín dụng đối với khách hàng, ban hành theo Quyết định số 39/QĐ-NHNT.CSTD ngày 08/3/2007 của Vietcombank. Tuy nhiên, thời điểm Vietcombank Hà Nội ký 04 Hợp đồng tín dụng từng lần năm 2011 với Công ty Thái Hòa thì nhân sự của Hội đồng tín dụng cơ sở Vietcombank Hà Nội có sự thay đổi, không đủ thành phần để họp thông qua việc phê duyệt tín dụng cho Công ty Thái Hòa nên Hội sở chính Vietcombank chưa phê duyệt giới hạn tín dụng mới cho Công ty Thái Hòa. Khi

ký duyệt cho vay, các đối tượng này không biết Công ty Thái Hòa lập khống hồ sơ, sử dụng tiền vay để đảo nợ và do tin tưởng phương án kinh doanh cùng uy tín của Công ty Thái Hòa; cán bộ ngân hàng chỉ hướng dẫn những tài liệu cần có trong hồ sơ theo quy định chung. Nguyễn Thị Minh H5, Ngô Thu H9 là những người trực tiếp lập hồ sơ giải ngân theo 04 Hợp đồng tín dụng năm 2011 khẳng định, do trước đó đã nhiều lần làm thủ tục giải ngân cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty Thái Hòa tại VCB Hà Nội nên nắm rõ quy trình, thủ tục theo quy định của Vietcombank. Vì vậy, cán bộ ngân hàng không hướng dẫn làm giả hồ sơ nộp ngân hàng. Nội dung này phù hợp với lời khai của Trần Thượng A1, Lê Huy H4. Sau khi giải ngân, Vietcombank Hà Nội đã nhiều lần kiểm tra chứng từ, việc sử dụng vốn và đã kết luận: Công ty Thái Hòa sử dụng vốn sai mục đích, đầu tư sai nguồn. Quá trình điều tra, những cá nhân trên khai báo thành khẩn, nhân thân tốt, lần đầu vi phạm, không hưởng lợi gì trong vụ việc này. Ủy ban Kiểm tra Trung ương đã có quyết định thi hành kỷ luật đối với ông Nguyễn Xuân L4 bằng hình thức cách chức tất cả các chức vụ trong Đảng, Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia đã có quyết định miễn nhiệm chức vụ Phó Trưởng ban Giám sát Tập đoàn tài chính, chuyển làm chuyên viên. Vietcombank Hà Nội đã kỷ luật Trần Thượng A1 và Lê Huy H4 với hình thức khiển trách, chuyển vị trí công tác đến bộ phận thu hồi nợ; đồng thời kỷ luật cảnh cáo về Đảng. Do đó, Cơ quan An ninh điều tra - Bộ Công an ra quyết định đình chỉ điều tra vụ án “*Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng*” là phù hợp pháp luật.

- **Nội dung thứ năm:** Theo các bị cáo khai thì quy định bắt buộc của ngân hàng về thủ tục giải ngân theo các hợp đồng tín dụng đã ký là: các khoản vay được duyệt cho vay thì bên vay không được rút vốn vay bằng tiền mặt mà phải chuyển khoản 100% cho các đơn vị bán hàng (người thụ hưởng). Vì vậy, để có điều kiện cần và đủ để được giải ngân số tiền Vietcombank Hà Nội duyệt cho vay và kịp quay lại để trả nợ cho Vietcombank Hà Nội được an toàn, đúng quy định, bắt buộc Công ty Thái Hòa phải lập các hợp đồng kinh tế mua hàng và chuyển tiền cho các công ty con trực thuộc Công ty Thái Hòa, vì có làm như vậy mới đúng quy trình.

Vấn đề đặt ra là thủ tục giải ngân có đúng như trình bày của các bị cáo hay không? Cần tiếp tục điều tra thu thập các văn bản, tài liệu quy định của Ngân hàng. Xác định đúng quy trình này là một trong những căn cứ để xác định động cơ, mục đích của các bị cáo.

Quy trình tín dụng đối với khách hàng tổ chức ban hành kèm theo Quyết định số 246/QĐ-NHNT.CSTD ngày 22/7/2008 của Tổng Giám đốc Vietcombank đã được Cơ quan An ninh điều tra - Bộ Công an thu thập trong giai đoạn điều tra trước đây. Bên cạnh đó, tại Điều 1 của 04 Hợp đồng tín dụng năm 2011 các bên đều thỏa thuận phương thức sử dụng tiền vay là chuyển khoản. Vì vậy, việc các bị cáo khai bên vay không được rút vốn vay bằng tiền mặt là không đúng.

Cáo trạng số 31/Ctr-VKSTC-V1 ngày 23/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn A, Ngô Thị H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự 1999 và tội “Làm giả tài liệu của tổ chức” theo điểm a, b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự 2015.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 404/2020/HS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn A, Ngô Thị H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả tài liệu của tổ chức”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm a, b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Văn A 20 (Hai mươi) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 03 (Ba) năm tù về tội “Làm giả tài liệu của tổ chức”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội là 23 (Hai mươi ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 19/02/2020 (được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/10/2016 đến ngày 18/11/2016).

- Bị cáo Ngô Thị H 12 (Mười hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 03 (Ba) năm tù về tội “Làm giả tài liệu của tổ chức”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội là 15 (Mười lăm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án (được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/7/2016 đến ngày 02/6/2017).

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, buộc các bị cáo Nguyễn Văn A, Ngô Thị H phải liên đới bồi thường trả cho Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam tổng số tiền 28.189.530.000 đồng (*Hai mươi tám tỷ một trăm tám mươi chín triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng*), cụ thể: Phần của bị cáo Nguyễn Văn A phải bồi thường là 20.000.000.000 đồng (*Hai mươi tỷ đồng*); Phần của bị cáo Ngô Thị H phải bồi thường là 8.189.530.000 đồng (*Tám tỷ một trăm tám mươi chín triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng*).

3. Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án phải giao nộp lại số tiền (để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án về bồi thường cho các bị cáo), cụ thể:

- Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB) phải nộp lại 10.000.000.000 đồng (*Mười tỷ đồng*);

- Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam phải nộp lại 9.747.500.000 đồng (*Chín tỷ bảy trăm bốn mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*);

- Công ty Thái Hòa Nghệ An phải nộp lại 322.250.000 đồng (*Ba trăm hai mươi hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*);

- Công ty TNHH Thái Hòa Quảng Trị phải nộp lại 4.972.160.000 đồng (*Bốn tỷ chín trăm bảy mươi hai triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Dành quyền khởi kiện cho Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam; Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB); Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam; Công ty Thái Hòa Nghệ An và Công ty TNHH Thái Hòa Quảng Trị đối với Công ty cổ phần tập đoàn Thái Hòa Việt Nam trong các vụ án khác.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và thông báo quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 30/9/2020, bị cáo Ngô Thị H kháng cáo kêu oan.

Ngày 05/10/2020, bị cáo Nguyễn Văn A kháng cáo kêu oan.

Ngày 11/11/2020, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không buộc ngân hàng phải nộp lại số tiền 10 tỷ đồng.

Ngày 13/11/2020, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không buộc ngân hàng phải nộp lại số tiền 9.747.500.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị cáo Nguyễn Văn A thừa nhận có hành vi gian dối khi làm thủ tục vay tiền của Vietcombank Hà Nội nhưng bị cáo cho rằng hành vi của bị cáo không phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” mà phạm tội khác.

Bị cáo Ngô Thị H thay đổi nội dung kháng cáo từ kêu oan sang xin giảm hình phạt, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ để giảm hình phạt cho bị cáo.

Người bào chữa cho các bị cáo có quan điểm: Hành vi của các bị cáo chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, chưa đủ căn cứ quy kết các bị cáo có mục đích chiếm đoạt, vì: Số tiền 156.068.745.000 đồng, cơ quan tiến hành tố tụng xác định các bị cáo không phạm tội nhưng các bị cáo lại phải chịu trách nhiệm đối với số tiền 28.189.530.000 đồng là không có căn cứ, vì về nguồn gốc cả hai khoản tiền này đều được giải ngân dựa trên cơ sở Hợp đồng tín dụng 01, 02, 03, 04. Việc lập khống hồ sơ cho các lần giải ngân đều như nhau, các bị cáo đều không tư lợi cá nhân, các khoản vay của Vietcombank Hà Nội đều được sử dụng cho Công ty, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nguyên tắc suy đoán vô tội cho các bị cáo. Nếu các bị cáo có mục đích chiếm đoạt thì có ngay từ đầu và chiếm đoạt số tiền 184.258.275.000 đồng, trong khi các lần giải ngân đều như nhau, không thể bóc tách ra để xác định các bị cáo chiếm đoạt số tiền 28.189.530.000 đồng. Sau khi Cơ quan điều tra phát hiện ra khoản tiền 28.189.530.000 đồng thì các bị cáo A, H mới biết được số tiền này. Cơ quan điều tra xác định số tiền 28.189.530.000 đồng là thiệt hại của Vietcombank Hà Nội là không khách quan. Tại phiên tòa phúc thẩm chưa xác định được số tiền thiệt hại của Vietcombank Hà Nội. Cần xác định rõ có hay không hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo. Bị cáo A cho rằng không phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” mà

phạm tội khác. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nếu thấy chưa đầy đủ chứng cứ thì hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại.

Đại diện Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội và Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm, không buộc các ngân hàng phải nộp lại số tiền như bản án sơ thẩm đã quyết định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm: Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và phần thẩm vấn tại phiên tòa thấy bị cáo Nguyễn Văn A thừa nhận hành vi của mình có sự gian dối trong quá trình làm thủ tục vay tiền Vietcombank Hà Nội nhưng cho rằng bị cáo không phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tuy nhiên căn cứ các tài liệu, chứng cứ, lời khai của bị cáo H, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thấy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Nguyễn Văn A, Ngô Thị H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan. Bị cáo H thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã nộp án phí sơ thẩm và 200 triệu đồng tiền khắc phục hậu quả, bị cáo là phụ nữ, phạm tội với vai trò giúp sức, cả hai bị cáo trong vụ án là vợ chồng, do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm một phần hình phạt cho bị cáo H. Bị cáo A mặc dù có thêm tình tiết giảm nhẹ mới đã nộp 200 triệu đồng khắc phục hậu quả, tuy nhiên bị cáo chưa thực sự nhận thức được hành vi phạm tội của mình nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo A.

Số tiền 10 tỷ đồng các bị cáo trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội Tòa án cấp sơ thẩm buộc và số tiền 9.747.500.000 đồng trả cho Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam là số tiền do các bị cáo phạm tội mà có, do vậy Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, buộc các ngân hàng phải nộp lại số tiền nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật, do vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các ngân hàng.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 355, 356, 357 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn A, kháng cáo của Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm đối với bị cáo A, ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Ngô Thị H, giảm một phần hình phạt cho bị cáo H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Bộ Công an, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến

hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn A, Ngô Thị H và kháng cáo của các Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam trong hạn luật định, được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Ngô Thị H thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm quy kết, bị cáo Nguyễn Văn A thừa nhận có thực hiện hành vi gian dối trong việc lập hồ sơ vay vốn tại Vietcombank Hà Nội, tuy nhiên bị cáo cho rằng không phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” mà có thể phạm một tội khác; lời khai nhận hành vi của bị cáo A phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo H, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với vật chứng đã thu giữ, các kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Công ty Thái Hòa do Nguyễn Văn A làm Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc và Ngô Thị H làm Phó Tổng giám đốc, đến cuối năm 2010, các khoản vay (trung hạn và ngắn hạn) của Công ty Thái Hòa tại Vietcombank Hà Nội là 214.205.834.265 đồng, trong đó các khoản vay ngắn hạn là 189.209.166.465 đồng đã đến hạn trả nợ. Thời điểm này, Công ty Thái Hòa vẫn còn nợ tiền ở nhiều ngân hàng khác và biết không còn khả năng trả nợ, đồng thời cũng không có phương án trả nợ nên các bị cáo Nguyễn Văn A, Ngô Thị H đã dùng thủ đoạn gian dối, mặc dù thời điểm đầu năm 2011 Công ty Thái Hòa không có hoạt động kinh doanh cà phê, trong kho của Công ty Thái Hòa không có hàng hóa, nhưng Ngô Thị H đã ký Hợp đồng bảo hiểm mọi rủi ro hàng hóa (cà phê) số 0000003/HD0/016-KHĐ/TS02/2011 ngày 07/01/2011 với Công ty bảo hiểm Bưu điện Thăng L2, giá trị hàng hóa được bảo hiểm 50.000.000.000 đồng; ký Hợp đồng bảo hiểm mọi rủi ro kho hàng và cà phê thành phẩm số AD/002/11/B06/004/01-NVT ngày 22/3/2011 với Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp - Chi nhánh Nghệ An giá trị được bảo hiểm 100.000.000.000 đồng, đơn vị thụ hưởng các khoản bảo hiểm này là Vietcombank Hà Nội. Mặc dù tại thời điểm đó Công ty Thái Hòa không có việc mua bán cà phê với các Công ty thành viên, không có xuất khẩu cà phê song để hợp thức hồ sơ vay vốn Vietcombank Hà Nội mà các bị cáo Nguyễn Văn A, Ngô Thị H đã chỉ đạo nhân viên trong Công ty Thái Hòa và lãnh đạo các Công ty thành viên làm giả, ký khống 16 hợp đồng xuất khẩu cà phê với đối tác Atlantic Mỹ, 16 hợp đồng kinh tế mua cà phê với các Công ty thành viên, xuất các hóa đơn giá trị gia tăng, các phiếu nhập kho khống, các giấy đề nghị vay vốn kèm phương án trả nợ đưa vào hồ sơ và thế chấp tài sản trị giá 89.944.000.000 đồng. Vietcombank Hà Nội đã giải ngân vào tài khoản của các Công ty thành viên và chuyển về cho Công ty Thái Hòa tổng số 9.315.000 USD tương đương 184.258.275.000 đồng. Sau khi vay được tiền, Nguyễn Văn A, Ngô Thị H đã dùng số tiền 156.068.745.000 đồng để trả nợ các khoản vay trước năm 2011 tại Vietcombank Hà Nội, còn lại số tiền 28.189.530.000 đồng đã chiếm đoạt của Vietcombank Hà Nội để trả nợ cho các đơn vị khác và sử dụng chi tiêu trong

hoạt động của Công ty Thái Hòa. Hành vi dùng thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt tổng số tiền 28.189.530.000 đồng của các bị cáo Nguyễn Văn A, Ngô Thị H đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thuộc trường hợp “chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm trăm triệu đồng trở lên” và hành vi bị cáo Nguyễn Văn A ký làm giả 16 hợp đồng xuất khẩu cà phê với Công ty Atlantic Mỹ; 01 phiếu nhập kho; 02 Hợp đồng kinh tế mua bán cà phê với Công ty cổ phần Thái Hòa Quảng Trị và 01 hợp đồng kinh tế với Công ty cổ phần Thái Hòa Lâm Đồng. Bị cáo Ngô Thị H đã ký và làm giả 07 phiếu nhập kho; 04 hợp đồng kinh tế với Công ty cổ phần Thái Hòa Buôn Ma Thuột; 01 hợp đồng kinh tế với Công ty cổ phần Thái Hòa Quảng Trị; 06 hợp đồng kinh tế với Công ty cổ phần Thái Hòa Lâm Đồng; 01 hợp đồng kinh tế với Công ty TNHH MTV Thái Hòa Nghệ An và 02 hợp đồng kinh tế với Công ty cổ phần Thương Phú và sử dụng tài liệu giả đó để lừa đảo chiếm đoạt của Vietcombank Hà Nội tổng số tiền 28.189.530.000 đồng, đã phạm vào tội “Làm giả tài liệu của tổ chức” thuộc trường hợp “Làm 06 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác trở lên” và “Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng”.

Do có hành vi nêu trên Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã truy tố, xét xử các bị cáo Nguyễn Văn A, Ngô Thị H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 và tội “Làm giả tài liệu của tổ chức” quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan như quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo.

Các bị cáo Nguyễn Văn A, Ngô Thị H phạm tội “Làm giả tài liệu của tổ chức” năm 2011 là thời điểm áp dụng Bộ luật Hình sự năm 1999 song đến thời điểm truy tố và xét xử đối với các bị cáo thì Bộ luật Hình sự năm 2015 có hiệu lực thi hành có khung hình phạt tại khoản 3 Điều 341 nhẹ hơn so với khoản 3 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999 nên Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội theo hướng có lợi cho các bị cáo thì việc truy tố, xét xử các bị cáo Nguyễn Văn A, Ngô Thị H về tội “Làm giả tài liệu của tổ chức” quy định tại khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Văn A, Ngô Thị H đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu riêng về tài sản của doanh nghiệp được pháp luật bảo vệ, trực tiếp xâm hại tới quyền sở hữu tài sản Vietcombank Hà Nội, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của nhà nước, gây mất trật tự trị an xã hội. Do vậy đối với các bị cáo cần phải có một mức hình phạt thật nghiêm khắc, phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài mới có tác dụng cải tạo giáo dục đối với bị cáo cũng như đáp ứng yêu cầu đấu tranh và phòng ngừa loại tội phạm này nói chung.

Bị cáo Nguyễn Văn A giữ vai trò chính trong vụ án, là người chủ mưu, chỉ đạo, điều hành trong việc thực hiện các hành vi phạm tội và quyết định, sử

dụng toàn bộ khoản tiền đã chiếm đoạt. Bị cáo Ngô Thị H tiếp nhận ý thức của bị cáo A và là người trực tiếp cùng bị cáo A thực hiện hành vi phạm tội nên bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức.

Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm mặc dù bị cáo Nguyễn Văn A cho rằng không phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nhưng bị cáo thừa nhận có thực hiện hành vi chỉ đạo nhân viên Công ty Thái Hòa làm giả hồ sơ vay vốn Vietcombank Hà Nội, bản thân bị cáo trực tiếp ký vào các Hợp đồng xuất khẩu cà phê với Công ty Atlantic của Mỹ, phiếu nhập kho, Hợp đồng mua bán cà phê với Công ty cổ phần Thái Hòa Quảng Trị, Công ty cổ phần Thái Hòa Lâm Đồng, từ đó dùng các hợp đồng, phiếu xuất kho này cùng với các tài liệu do bị cáo Ngô Thị H ký để làm hồ sơ vay vốn Vietcombank Hà Nội, đây là các tài liệu không có thật, các bị cáo đã thực hiện hành vi gian dối, làm khống các hồ sơ vay vốn để chiếm đoạt của Vietcombank Hà Nội số tiền 28.189.530.000 đồng sử dụng vào mục đích không đúng như trong hợp đồng tín dụng ký với Vietcombank Hà Nội (trả nợ các ngân hàng khác và chi hoạt động Công ty Thái Hòa). Tòa án cấp sơ thẩm quy kết các bị cáo Nguyễn Văn A, Ngô Thị H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả tài liệu của tổ chức” là có căn cứ, đúng pháp luật. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn A, Ngô Thị H đều thành khẩn khai báo về hành vi của mình; nhân thân các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu; hai bị cáo trong vụ án là vợ chồng; bị cáo Nguyễn Văn A có thời kỳ mắc bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi; các bị cáo đều tuổi cao, sức khỏe yếu, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Tại cấp phúc thẩm các bị cáo xuất trình thêm tình tiết giảm nhẹ mới: Mỗi bị cáo đã nộp khắc phục hậu quả 200 triệu đồng và đã nộp tòa bộ án phí sơ thẩm như quyết định của bản án sơ thẩm. Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, Hội đồng xét xử áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật hình sự cho các bị cáo. Do vậy, xét thấy có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giảm một phần hình phạt cho các bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, tạo điều kiện cho các bị cáo yên tâm cải tạo sớm được trở về hòa nhập với xã hội.

Xét kháng cáo của các Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội và Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam, Hội đồng xét xử thấy: Các bị cáo Nguyễn Văn A, Ngô Thị H đã dùng số tiền chiếm đoạt được của Vietcombank Hà Nội (sau khi được Vietcombank Hà Nội giải ngân) để trả nợ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội số tiền 10.000.000.000 đồng; trả nợ Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam số tiền 9.747.500.000 đồng; đây là số tiền do hành vi phạm tội của các bị cáo mà có, các bị cáo có hành vi gian dối chiếm đoạt tiền của Vietcombank Hà Nội nên Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự buộc các Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam phải nộp lại toàn bộ số tiền này để đảm bảo việc thi hành án của các bị cáo, đồng thời dành quyền khởi kiện cho các ngân hàng trong vụ án khác là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Do vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng TMCP Sài

Gòn - Hà Nội và Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam về nội dung này.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn A, Ngô Thị H kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội và Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam không được chấp nhận kháng cáo nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn A, Ngô Thị H;

Không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội và Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam;

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 404/2020/HS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, cụ thể như sau:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn A, Ngô Thị H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả tài liệu của tổ chức”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm a, b khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38; Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Văn A 18 (Mười tám) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 03 (Ba) năm tù về tội “Làm giả tài liệu của tổ chức”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 21 (Hai mươi một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/02/2020 (được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/10/2016 đến ngày 18/11/2016).

- Bị cáo Ngô Thị H 08 (Tám) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 01 (Một) năm tù về tội “Làm giả tài liệu của tổ chức”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 09 (Chín) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án (được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/7/2016 đến ngày 02/6/2017).

* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, buộc bị cáo Nguyễn Văn A, Ngô Thị H phải liên đới bồi thường trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam tổng số tiền 28.189.530.000 đồng (*Hai mươi tám tỷ một trăm tám mươi chín triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng*), cụ thể:

- Phần của bị cáo Nguyễn Văn A phải bồi thường là 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng);

- Phần của bị cáo Ngô Thị H phải bồi thường là 8.189.530.000 đồng (Tám tỷ một trăm tám mươi chín triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng).

* Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án phải giao nộp lại số tiền (để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án về bồi thường cho các bị cáo), cụ thể:

- Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB) phải nộp lại 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng);

- Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam phải nộp lại 9.747.500.000 đồng (Chín tỷ bảy trăm bốn mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng);

- Công ty Thái Hòa Nghệ An phải nộp lại 322.250.000 đồng (Ba trăm hai mươi hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng);

- Công ty TNHH Thái Hòa Quảng Trị phải nộp lại 4.972.160.000 đồng (Bốn tỷ chín trăm bảy mươi hai triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng).

Dành quyền khởi kiện cho Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam; Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội; Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam; Công ty Thái Hòa Nghệ An và Công ty TNHH Thái Hòa Quảng Trị đối với Công ty cổ phần tập đoàn Thái Hòa Việt Nam trong các vụ án khác.

2. Về án phí phúc thẩm: Các bị cáo Nguyễn Văn A, Ngô Thị H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội phải nộp 300.000 đồng án phí phúc thẩm.

Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam phải nộp 300.000 đồng án phí phúc thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp tại Biên lai số 0020964 ngày 19/11/2020 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Xác nhận Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam đã nộp xong án phí phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND Tp Hà Nội;
- TAND Tp Hà Nội;
- Công an Tp Hà Nội;
- Cục THADS Tp Hà Nội;
- Bị cáo A (qua TTG B14 - Bộ công an);
- Bị cáo H (theo đ/c);
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Tự Học